

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14-02-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Vọng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Duy Văn;

Bà Huỳnh Thị Thuỳ Dương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 462/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1981; cư trú tại: Số nhà C, khu phố H, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Quốc T1, sinh năm 1972; nơi đăng ký thường trú: Số A, Tổ A, khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Số C, đường N, khu phố M, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 11 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh Phạm Quốc T1 chung sống từ năm 2013 và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32, ngày 03 tháng 8 năm 2016.

Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian từ khoảng tháng 6/2024 cho đến nay, vợ chồng liên tục xảy ra những mâu thuẫn, tranh cãi gay gắt mà nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc tính tình không hợp nhau và quan điểm sống quá khác biệt; hiện nay anh chị đã sống ly thân, anh T1 tiếp tục sinh sống tại phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, còn chị T đã về tỉnh Long An để sinh sống, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Chị T nhận thấy rằng sẽ khó có thể tiếp tục xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc như mong muốn trong tình trạng mâu thuẫn trầm trọng như vậy. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chỉ còn ràng buộc với nhau về mặt pháp lý nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1.

*Về con chung:* Chị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Phạm Quốc T2, sinh ngày 22/5/2016. Từ tháng 6/2024 cho đến nay, chị T về tỉnh Long An sinh sống, còn cháu T2 vẫn đang sinh sống cùng với anh T1. Do vậy, sau khi ly hôn, chị T đồng ý giao cháu T2 cho anh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

*Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Quốc T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh T1 được.

#### ***Tại phiên tòa,***

- Nguyên đơn chị Trần Thị T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; anh Phạm Quốc T1 vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, riêng bị đơn anh Phạm Quốc T1 chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa, các đương sự đều có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật*: Ngày 15 tháng 11 năm 2024, chị Trần Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Quốc T1; đồng ý giao con chung là cháu Phạm Quốc T2 cho anh Phạm Quốc T1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc nên đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2] *Về thẩm quyền*: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn anh Phạm Quốc T1 đang cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.3] *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự*: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn anh và bị đơn anh Phạm Quốc T1 vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ngày 03 tháng 8 năm 2016, chị T và anh T1 đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa chị T và anh T1 là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình; do đó hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, chị T xác định vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, thời gian gần đây thì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; anh T1 tiếp tục sinh sống tại phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, còn chị T đã về tỉnh Long An để sinh sống, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Như vậy, việc chị T và anh T1 không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn là đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ anh T1 nhiều lần để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh T1 vẫn cố tình vắng mặt, điều này chứng tỏ anh T1 không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ.

Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh T1.

[2.2] *Về con chung*: Chị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Phạm Quốc T2, sinh ngày 22/5/2016; sau khi ly hôn, chị T đồng ý giao cháu T2 cho anh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án chị T

không cung cấp được tài liệu chứng minh chị T có đủ khả năng nuôi dạy con chung, cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về thu nhập của anh T1; còn anh T1, không đến Tòa án làm việc nên không biết được nguyện vọng và khả năng của anh T1 về phần con chung là như thế nào. Tuy nhiên, từ tháng 6/2024 cho đến nay, chị T về tỉnh Long an sinh sống, còn cháu T2 vẫn đang sinh sống cùng với anh T1. Hơn nữa, tại Bản tự khai, cháu T2 có nguyện vọng được ở với anh T1. Do đó để cháu T2 có điều kiện phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội, cần giao cháu T2 cho anh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên yêu cầu của chị T về phần con chung được chấp nhận.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Tại Tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh T1 không phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 238, 266, 267, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với bị đơn là anh Phạm Quốc T1.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Phạm Quốc T1.

1.2. *Về con chung*: Anh Phạm Quốc T1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Phạm Quốc T2, sinh ngày 22/5/2016.

1.3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Không xem xét giải quyết.

1.4. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cấm đoán, ngăn cản. Vì lợi

ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

1.5. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trần Thị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008619 ngày 27/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Chánh Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thế Vọng**